

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC
LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM, LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG, UBND CẤP XÃ TỈNH CAO BẰNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH (04 TTHC)

TT	Mã số	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
I.	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (04 TTHC)							
a	Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (02 TTHC)							
1	1.014021	Thu hồi giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trong trường hợp cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đề nghị thu hồi giấy chứng nhận	Không quá mười (10) ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	- Nộp hồ sơ trực tiếp; Nộp qua dịch vụ bưu chính; Nộp qua dịch vụ công trực tuyến một phần	Không thu phí	- Luật đa dạng sinh học 2008; -Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Điều 22 Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Cơ quan quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
2	1.014022	Quy trình thực hiện thả lại loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ nuôi sinh sản tại cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Không quá mười sáu (16) ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	- Nộp hồ sơ trực tiếp; Nộp qua dịch vụ bưu chính; Nộp qua dịch vụ	Không thu phí	- Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

TT	Mã số	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
					công trực tuyến một phần		lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Điều 11 Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	- Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
b	Lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm (02 TTHC)							
1	3.000496	Cấp lại mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 03 ngày làm việc. - Trường hợp cần kiểm tra thực tế các điều kiện nuôi, trồng: 15 ngày làm việc. - Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu: 24 ngày làm việc; - Trường hợp nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục Công ước CITES	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	- Nộp hồ sơ trực tiếp; Nộp qua dịch vụ bưu chính; Nộp qua dịch vụ công trực tuyến một phần	Không thu phí	- Luật Lâm nghiệp 2017; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Khoản 5, Điều 26 Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	- Cơ quan giải quyết: Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh cấp mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES; Chi cục Chăn nuôi cấp mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng các loài thủy sản thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích xuất khẩu.

TT	Mã số	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
			không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam: 09 ngày làm việc					
2	1.004819	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 03 ngày làm việc. - Trường hợp cần kiểm tra thực tế các điều kiện nuôi, trồng: 15 ngày làm việc. - Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu: 24 ngày làm việc; - Trường hợp nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	- Nộp hồ sơ trực tiếp; Nộp qua dịch vụ bưu chính; Nộp qua dịch vụ công trực tuyến một phần	Không thu phí	- Luật Lâm nghiệp 2017; -Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Điều 26, Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	- Phân cấp từ Trung ương về Cơ quan Kiểm lâm cấp tỉnh; Bổ sung Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh cấp mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng các loài thủy sản thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích xuất khẩu. - Thay thế tên thủ tục hành chính;

TT	Mã số	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
			tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam: 09 ngày làm việc					

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (10 TTHC)

TT	Mã số	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I.	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (07 TTHC)							
a	Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (03 TTHC)							
1	1.008672	Cấp giấy phép khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên	Không quá mười tám (18) ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	- Nộp hồ sơ trực tiếp; Nộp qua dịch vụ bưu chính; Nộp qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Không thu phí	- Điều 44 Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Điều 11 Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy, cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; - Khoản 4, Điều 46 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Điều 10 Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	- Phân cấp từ Trung ương về Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Sửa đổi tên thủ tục hành chính;
2	1.008675	Cấp giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm	Không quá mười lăm (15) ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	- Nộp hồ sơ trực tiếp; Nộp qua dịch vụ bưu chính; Nộp qua dịch vụ	Không thu phí	- Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý	- Thay thế tên thủ tục hành chính; - Sửa đổi thời hạn giải quyết thủ tục hành chính (từ 35 ngày xuống 15 ngày).

TT	Mã số	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		được ưu tiên bảo vệ			công trực tuyến toàn trình		loài thuộc Danh mục loài nguy, cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; - Điều 13 Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm; nuôi động vật rừng thông thường và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.	- Mức độ thực hiện thủ tục hành chính (một phần sang toàn trình)
3	1.008682	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Không quá hai mươi bảy (27) ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	- Nộp hồ sơ trực tiếp; Nộp qua dịch vụ bưu chính; Nộp qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Không thu phí	- Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học; - Điều 21 Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày	- Sửa đổi thời hạn giải quyết thủ tục hành chính (từ 60 ngày xuống 27 ngày). - Mức độ thực hiện thủ tục hành chính (một phần sang toàn trình)

TT	Mã số	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm; nuôi động vật rừng thông thường và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.	
b	Lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm (04 TTHC)							
1	1.011470	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng	- 07 ngày làm việc đối với trường hợp không cần xác minh tính chính xác của hồ sơ. - 10 ngày làm việc đối với trường hợp cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	- Nộp hồ sơ trực tiếp; Nộp qua dịch vụ bưu chính; Nộp qua dịch vụ công trực tuyến một phần	Không	Điều 6, Thông tư số 26/2025/TTBNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân	- Sửa đổi tên thủ tục hành chính; căn cứ pháp lý; thời hạn giải quyết.
2	1.000045	Xác nhận bảng kê lâm sản	- Trường hợp không phải xác minh: 02 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã tỉnh Cao Bằng	- Nộp hồ sơ trực tiếp; Nộp qua dịch vụ bưu chính; Nộp qua dịch vụ	Không	Điều 5, Thông tư số 26/2025/TTBNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản;	- Thay thế thời hạn giải quyết; bổ sung căn cứ pháp lý; - Mức độ thực hiện thủ tục hành chính

TT	Mã số	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			- Trường hợp cần xác minh nguồn gốc lâm sản: 03 ngày làm việc. - Trường hợp cần xác minh nguồn gốc lâm sản mà có nhiều nội dung phức tạp: 04 ngày làm việc.		công trực tuyến toàn trình		xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân	(một phần sang toàn trình)
3	1.000047	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	<i>Không quá sáu (6) ngày làm việc</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã tỉnh Cao Bằng	- Nộp hồ sơ trực tiếp; Nộp qua dịch vụ bưu chính; Nộp qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Không	<i>Điều 7, Thông tư số 26/2025/TTBNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân</i>	- Sửa đổi thời hạn giải quyết; bổ sung căn cứ pháp lý; - Mức độ thực hiện thủ tục hành chính (một phần sang toàn trình)
4	3.000160	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ	- Trường hợp không kiểm tra xác minh là năm (05) ngày làm việc; - Trường hợp phải kiểm tra xác minh là mười ba (13) ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	- Nộp hồ sơ trực tiếp; Nộp qua dịch vụ bưu chính; Nộp qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Không	- Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm giao hợp pháp Việt Nam; - Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm giao hợp pháp Việt Nam.	- Bổ sung căn cứ pháp lý; - Mức độ thực hiện thủ tục hành chính (một phần sang toàn trình)

TT	Mã số	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							- Chương III, Thông tư số 26/2025/ TTBNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân	
II	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (03 TTHC)							
a	Lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm							
1	1.012922	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	Không quá năm (5) ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã tỉnh Cao Bằng	Không quy định	Không thu phí	- Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 140/2024/NĐ-CP ngày 25/10/2024 của Chính phủ quy định thanh lý rừng trồng. - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	- Thay đổi thẩm quyền giải quyết từ cấp huyện thành cấp xã; - Bổ sung căn cứ pháp lý
2	1.012531	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	Không quá hai mươi (20) ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã tỉnh Cao Bằng	- Nộp hồ sơ trực tiếp; Nộp qua dịch vụ bưu chính; Nộp qua dịch vụ công trực tuyến một phần	Không thu phí	- Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp. - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa	- Thay đổi thẩm quyền giải quyết từ cấp huyện thành cấp xã; - Bổ sung căn cứ pháp lý

TT	Mã số	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	
3	1.011471	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	- Trường hợp không kiểm tra xác minh là bảy (07) ngày làm việc; - Trường hợp phải kiểm tra xác minh là mười (10) ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã tỉnh Cao Bằng	- Nộp hồ sơ trực tiếp; Nộp qua dịch vụ bưu chính; Nộp qua dịch vụ công trực tuyến một phần	Không	<i>Điều 6 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.</i>	- Thay đổi thẩm quyền giải quyết từ cấp huyện thành cấp xã; - Sửa đổi tên thủ tục hành chính; - Sửa đổi căn cứ pháp lý.

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Đã công bố tại Quyết định	Tên văn bản QPPL quy định về việc bãi bỏ TTHC
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (01 TTHC)		
1	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES (1.004815)	Quyết định số 670/QĐ-UBND ngày 21/5/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Cao Bằng	Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
II	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (01 TTHC)		
1	Thủ tục hải quan đối với gỗ nhập khẩu (3.000154)	Quyết định số 401/QĐ-UBND ngày 04/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng Về việc công bố danh mục thủ	Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ

		tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Cao Bằng	sung một số điều của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỡ hợp pháp Việt Nam
--	--	---	--

- Tổng số danh mục TTHC công bố:	14	TTHC
+Trong đó: Cấp tỉnh:	11	TTHC
Cấp xã:	03	TTHC
- Tổng số danh mục TTHC bãi bỏ:	02	TTHC
+Trong đó: Cấp tỉnh:	01	TTHC
Cấp huyện:	01	TTHC
- Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần	07	TTHC
- Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình	06	TTHC